

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và thay thế Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định về mật độ và đơn giá bồi thường cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn;
- Lưu: VT, KT, TH, XD (17b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu



QUY ĐỊNH

**Về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu,
vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2019/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mật độ, định mức, đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng áp dụng đối với các trường hợp bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Người sử dụng đất quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 khi Nhà nước thu hồi đất.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Nguyên tắc chung bồi thường, hỗ trợ

1. Đối với cây trồng

a) Đối với cây hàng năm: Mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất bình quân của vụ cao nhất trong ba năm trước liền kề trên cây trồng đó và giá trung bình được tính theo giá tại thời điểm thu hồi đất. Trừ trường hợp sản phẩm thu hoạch trước ngày giao đất thì không được bồi thường (trong biên bản kiểm kê giám định phải ghi rõ thời điểm bắt đầu trồng đến thời điểm thu hoạch cuối cùng).

Trường hợp hoa màu trồng xen, thì xác định diện tích và giá trị sản lượng cho từng loại để bồi thường.

b) Đối với cây lâu năm

- Cây ăn trái: Đơn giá bồi thường được xác định cho từng loại cây, nhóm cây có giá trị kinh tế tương đương. Đơn giá bồi thường được xác định bằng giá trị hiện có của vườn cây (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất) theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất, có xem xét đến sản lượng thu hoạch bình quân trong 01 năm, giá bán bình quân sản phẩm trên thị trường; chi phí đầu tư và thiệt hại thực tế (đối với những cây chưa thu hoạch).

- Cây lấy gỗ: Đơn giá bồi thường được xác định trên cơ sở chi phí đầu tư ban đầu, chi phí chăm sóc, công chặt hạ; có xem xét đến giá trị từng loại cây gỗ để hỗ trợ đền bù thêm. Đơn giá bồi thường trên không bao gồm xác cây.

Cây rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cây rừng tự nhiên giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng, quản lý, chăm sóc, bảo vệ thì bồi thường theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây; tiền bồi thường được phân chia cho người quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

- Cây kiểng

Đối với các loại cây kiểng trồng dưới đất, tùy theo giá trị của cây mà Hội đồng bồi thường cấp huyện xác định mức hỗ trợ để đào gốc di dời.

Đối với các loại cây kiểng trồng trong chậu, tùy theo giá thuê mướn nhân công thực tế theo thời điểm của địa phương, Hội đồng bồi thường cấp huyện xác định mức hỗ trợ di dời.

c) Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại thực tế do phải di chuyển, phải trồng lại.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản

a) Tại thời điểm thu hồi đất hoặc bàn giao đất đã đến thời kỳ thu hoạch thì không phải bồi thường.

b) Tại thời điểm thu hồi đất hoặc bàn giao đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được hỗ trợ, bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra.

Điều 3. Phân loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản hỗ trợ, bồi thường

1. Đối với cây trồng

a) Cây hàng năm

Loại A: Cây trồng được trên 2/3 thời gian theo chu kỳ sinh trưởng của cây.

Loại B: Cây trồng được từ 1/3 đến 2/3 thời gian theo chu kỳ sinh trưởng của cây.

Loại C: Cây trồng dưới 1/3 thời gian theo chu kỳ sinh trưởng của cây.

b) Cây lâu năm

- Cây ăn trái

Loại A: Cây xanh tốt, đang trong thời kỳ cho trái; đối với một số loại cây thời gian sinh trưởng dài từ trồng đến khi cho trái trên 05 năm; khi cây trồng được trên 5 năm tuổi thì được tính vào loại A.

Loại B: Cây trồng đang trong thời kỳ sinh trưởng và phát triển tốt, sắp cho trái, có thời gian trồng từ đủ 01 năm đến khi cây bắt đầu cho trái; cây đang trong giai đoạn già cỗi, năng suất thấp.

Loại C: Cây mới trồng dưới 01 năm.

Trong trường hợp cùng một đơn vị diện tích nhưng xen lẫn các cây loại A, loại B, loại C, thì phải xác định số cây thực tế theo từng loại A, B, C để hỗ trợ đền bù.

- Cây lấy gỗ

Nhóm I - VIII: Được tính bằng đường kính gốc (đường kính gốc được đo tại vị trí của cây tính từ mặt đất lên 1,3 m).

Nhóm Tràm cừ: Tính bằng đường kính ngọn.

Nhóm Tre: Tính theo chiều cao cây.

Nhóm Trúc: Tính theo số cây và chiều cao trung bình/bụi.

Nhóm dừa nước: Tính theo chiều dài của lá.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản

a) Trường hợp thu hoạch sớm và di dời thủy sản nuôi đối với ao đất

- Đối với đối tượng có giá trị kinh tế cao nuôi đơn theo hình thức thâm canh, bán thâm canh mật độ thả nuôi cao thì bồi thường chi phí cải tạo làm ao, xử lý nước trước khi thả nuôi và trong quá trình nuôi, chi phí con giống và chi phí thức ăn, tính đến thời điểm bồi thường.

- Đối với đối tượng nuôi quảng canh, nuôi ghép, ao mương vườn, nuôi trong ruộng thì bồi thường, hỗ trợ chi phí cải tạo, con giống cho tất cả đối tượng nuôi và chi phí thức ăn tính đến thời điểm bồi thường.

- Ngoài các nội dung trên, tùy từng trường hợp cụ thể còn hỗ trợ chi phí di dời và lắp đặt đối với trang thiết bị, công trình nuôi; hỗ trợ chi phí bơm tát, kéo lưới, chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển; hỗ trợ chi phí cải tạo, xử lý nước và hỗ trợ chi phí di chuyển, lắp đặt các máy móc, trang thiết bị cho chỗ nuôi mới áp dụng theo định mức kinh tế kỹ thuật.

b) Trường hợp thu hoạch sớm và di dời thủy sản đối với ao nuôi lót bạt đáy hoặc bể nuôi bằng xi măng. Ngoài việc áp dụng giống như đối tượng nuôi ao đất còn bồi thường công trình ao nuôi, gồm:

- Bể nuôi bằng xi măng thì bồi thường chi phí làm bể tại thời điểm sau khi khấu hao thời gian sử dụng.

- Đối với ao nuôi lót bạt đáy ao thì bồi thường chi phí lót bạt (nhân công và chi phí mua bạt theo từng loại bạt), hệ thống hố xi phong, tính khấu hao giá trị còn lại tại thời điểm bồi thường và chi phí di chuyển lắp đặt đối với các công trình ao nuôi có máy che hoặc sử dụng lưới che, lưới rào.

c) Trường hợp đối với đối tượng nuôi là Artemia: Khi thu hoạch sớm thì hỗ trợ con giống, chi phí cải tạo, phân hữu cơ ngoài ra còn hỗ trợ thêm giá trị sản lượng thu hoạch.

d) Đối với thủy sản nuôi làm giống: Tôm giống thời gian ương dưỡng ngắn không hỗ trợ di chuyển. Cá giống các loại thì hỗ trợ chi phí di chuyển.

e) Quy định khác

- Đối với thủy sản thời gian nuôi được tính thiệt hại: Tôm sú từ dưới 60 ngày nuôi; tôm thẻ chân trắng từ dưới 45 ngày nuôi.

- Đối với các đối tượng thủy sản khác không có quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật thì áp dụng định mức kỹ thuật đối với đối tượng tương đồng gần giống trong bảng hoặc áp dụng định mức.

g) Căn cứ vào khung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với từng loại hình nuôi thủy sản, từng đối tượng thủy sản nuôi để tính mức tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ đối với thủy sản nuôi phải thu hoạch sớm hoặc di dời thủy sản nuôi tại thời điểm theo thực tế nhưng không cao hơn định mức đối với từng đối tượng cụ thể quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Quy định khác

a) Đối với cây trồng lấy bóng mát, thân gỗ xốp phát triển nhanh như: Cây Trứng cá, cây Bàng, cây Gòn,... có đường kính gốc từ 10 cm trở lên bồi thường 100.000 đồng/cây (một trăm ngàn đồng/cây), dưới 10 cm nhưng tối thiểu trồng từ 01 năm trở lên bồi thường 50.000 đồng/cây (năm mươi ngàn đồng/cây). Riêng đối với cây trồng làm hàng rào, dây leo,... thì bồi thường 40.000 đồng/m².

b) Đối với những loại cây trồng sản xuất theo quy trình an toàn, công nghệ cao,... mà có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp, thì đơn giá hỗ trợ đền bù đối với những cây trồng sản xuất theo quy trình trên sẽ được tính tăng thêm 20% so với đơn giá quy định tại Phụ lục 1.

c) Đối với những cây trồng, hoa màu, thủy sản đặc thù của địa phương chưa có trong Quy định này hoặc có giá thực tế tại thời điểm của địa phương cao hơn giá bồi thường tại Quy định này thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Mọi trường hợp đầu tư canh tác, trồng cây, thả nuôi thủy sản trên đất sau khi công bố quy hoạch, sau khi có quyết định thu hồi đất hay quyết định bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng hoặc nằm ngoài danh mục tài sản theo Biên bản điều tra, kiểm kê đã được chủ hộ thống nhất thì không được bồi thường.

Điều 4. Quy định khoảng cách, mật độ và đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng

1. Quy định khoảng cách, mật độ cây trồng

STT	Loại cây	Khoảng cách (m)	Mật độ quy định (cây /ha)
1	Mãng cụt, Xoài cát chu	8 x 8	156
2	Sầu riêng	6 x 8	208
3	Sapôchê, Lêkima	5 x 7	286
4	Nhãn da bò, Dừa, Chôm chôm	5 x 6	333
5	Xoài Cát Hòa Lộc, Đài Loan, Thái; Nhãn khác; Mận; Cóc	4 x 6	417
6	Bưởi, Vú sữa	4 x 5	500
7	Mãng cầu xiêm	3 x 4	833
8	Mãng cầu ta, Táo, Sơ ri, Chanh, Thanh long, Quýt, Cam xoàn, Mít	3 x 3	1.110
9	Ổi, Đu đủ, Cam sành, Hạnh	2 x 2,5	2.000

a) Trường hợp vườn trồng chuyên canh mà mật độ cây trồng dày hơn so với mật độ quy định, thì được tính thêm không quá 30% số cây theo quy định.

b) Trường hợp vườn trồng xen có hai loại cây trồng mà mật độ trồng phù hợp với mật độ quy định trên thì vẫn áp dụng hỗ trợ đền bù theo bảng đơn giá quy định tại Phụ lục 1 (*Mật độ phù hợp được tính bằng số cây trung bình của hai loại cây trồng xen; nhưng không vượt quá số cây trung bình của hai loại cây trồng đó trong bảng quy định mật độ*).

c) Trường hợp trong vườn trồng xen nhiều loại cây trồng, thì chọn cây trồng chính có giá trị cao và chiếm số lượng lớn để tính giá trị bồi thường theo đơn giá quy định, riêng cây trồng phụ chỉ tính bằng 50% đơn giá quy định trên (đối với vườn trồng xen với những cây như cam, quýt, chanh, hạnh, ổi, chuối, thanh long, măng cụt, cau, dừa, thì mật độ tính không quá 2.500 cây/ha; ngoài ra, đối với vườn trồng xen với các nhóm cây khác thì mật độ tính không quá 1.500 cây/ha).

d) Trường hợp trong vườn có nhiều cây trồng xen khác nhau, nhưng trồng dày hơn mật độ quy định, thì vẫn tính theo mật độ quy định trên; số cây trồng quá mật độ quy định thì chọn những loại cây mới trồng xen sau để loại bỏ và không tính hỗ trợ đền bù.

2. Đơn giá bồi thường cây trồng, hoa màu ban hành kèm theo Quyết định này tại Phụ lục 1.

Điều 5. Định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá bồi thường, hỗ trợ đối với vật nuôi là thủy sản

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho một số đối tượng vật nuôi là thủy sản ban hành kèm theo Quyết định này tại Phụ lục 2.

2. Cách tính mức bồi thường, hỗ trợ khi thu hoạch sớm

a) Bồi thường, hỗ trợ 100% chi phí đầu tư con giống (ao/vụ nuôi)

Số tiền bồi thường	=	Số lượng con giống thả	X	Đơn giá con giống tại thời điểm bồi thường
--------------------	---	------------------------	---	--

b) Bồi thường, hỗ trợ 100% chi phí đầu tư thức ăn (ao/vụ nuôi)

Số tiền bồi thường	=	Số lượng con giống thả	X	Tỷ lệ sống	X	Khối lượng bình quân tại thời điểm	X	Hệ số thức ăn FCR	Đơn giá thức ăn tại thời điểm bồi thường
--------------------	---	------------------------	---	------------	---	------------------------------------	---	-------------------	--

c) Bồi thường hỗ trợ 100% chi phí cải tạo ao trước khi thả nuôi và trong quá trình nuôi bao gồm đào, ủi, sên vét ao và chi phí xử lý gây màu nước, xử lý nước.

3. Định mức hỗ trợ di dời thủy sản nuôi và công trình ao nuôi

a) Hỗ trợ chi phí di dời thủy sản nuôi: Hỗ trợ 100% chi phí bơm tát, chi thuê nhân công, chi phí thuê kéo lưới; 100% chi phí thuê đất, chi phí cải tạo xử lý nước trước khi thả nuôi. Áp dụng giá tại thời điểm bồi thường.

b) Hỗ trợ chi phí di dời đối với công trình, trang thiết bị

- Đối với trang thiết bị, công trình phải di dời thì hỗ trợ 100% chi phí thuê nhân công di dời lắp đặt theo thực tế.

- Đối với công trình không thể di dời được như bể nuôi, chứa bằng xi măng, thì bồi thường 100% năm đầu mới đầu tư và cứ mỗi năm giảm trừ khấu hao 5% tỷ lệ bồi thường theo đơn giá tại thời điểm.

- Đối với công trình trang thiết bị ao nuôi lót bạt đáy ao thì bồi thường hỗ trợ 100% đối với năm đầu và cứ mỗi năm giảm trừ khấu hao 20% mỗi năm chi phí lót bạt ao nuôi, hồ xi phong và ống xi phong; các công trình phụ trợ kèm theo như trụ cột che lưới, lưới che hoặc máy che bằng tol, kẽm (Xà gồ),... thì hỗ trợ 100% chi phí thuê di dời và lắp đặt.

4. Đối với thủy sản nuôi làm giống

a) Tôm giống không hỗ trợ di chuyển.

b) Cá giống chỉ hỗ trợ chi phí di chuyển giống, mức hỗ trợ bằng 20% giá cá giống tại thời điểm bồi thường hỗ trợ.

Số tiền hỗ trợ	=	Khối lượng cá giống	X	20%	X	Đơn giá con giống tại thời điểm bồi thường
-------------------	---	------------------------	---	-----	---	---

5. Bồi thường riêng đối với Artemia

a) Bồi thường 100% tiền mua giống và 100% chi phí thức ăn và chi phí cải tạo, xử lý gây màu nước trước và trong khi thả nuôi.

b) Hỗ trợ 20% giá trị sản lượng thu hoạch.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Khi đơn giá cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh có thay đổi hoặc phát sinh các loại cây trồng, hoa màu, vật nuôi là thủy sản chưa có trong Bảng đơn giá này, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiếu